| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 88 /2025/QĐ-UBND | *Phú Thọ, ngày 05 tháng 11 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Quy định trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 793/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 10 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi trong việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất và mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo khoản 5 Điều 14 Nghị định 123/2024/NĐ-CP.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, cá nhân có hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP xảy ra trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính.

**Điều 3. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm**

1. Hành vi làm suy giảm chất lượng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất canh tác.

b) Làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng.

c) Gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định.

2. Hành vi làm biến dạng địa hình thuộc một trong các trường hợp sau đây: thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất; san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi) hoặc san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận).

3. Hiện trạng diện tích đất vi phạm phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm**

1. Hành vi làm suy giảm chất lượng đất

a) Làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác thì buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

b) Làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất trước khi vi phạm thì buộc vận chuyển ra khỏi phạm vi diện tích đất vi phạm. Trường hợp sau khi thực hiện biện pháp khôi phục làm mất hoặc giảm độ dày của lớp đất mặt thì buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

c) Gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định thì buộc thực hiện các biện pháp cải tạo đất (che phủ đất bằng vật liệu hữu cơ, luân canh cây trồng, tạo thảm thực vật, canh tác theo đường đồng mức, bón vôi, phân hữu cơ, điều chỉnh lượng

nước tưới phù hợp với nhu cầu cây trồng, đắp bờ kè, phân tán dòng nước nhằm ngăn chặn dòng chảy bề mặt) để khôi phục sự màu mỡ của đất, đảm bảo khả năng sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất tương đương với loại đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng; trường hợp xói mòn, rửa trôi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác thì buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

2. Hành vi làm biến dạng địa hình đất

a) Thay đổi độ dốc bề mặt đất thì buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

b) Hạ thấp bề mặt đất thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu là thực hiện san lấp, khôi phục lại độ cao bề mặt thửa đất trước khi vi phạm. Trường hợp bề mặt đất trước khi vi phạm cao hơn hiện trạng các thửa đất liền kề mà việc khôi phục lại độ cao bề mặt đất ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của thửa đất liền kề thì san lấp đất trở lại trạng thái bề mặt bằng với thửa đất liền kề có bề mặt cao nhất.

c) San lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi): Buộc nạo vét trả lại hiện trạng mặt nước chuyên dùng để đảm bảo sử dụng đất vào mục đích đã được xác định.

d) San lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận) thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu được thực hiện như sau:

Thực hiện đào, nạo vét hạ thấp bề mặt hoặc san lấp, đắp nâng cao bề mặt đất để khôi phục lại độ cao bề mặt đất trước khi vi phạm đảm bảo khả năng sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất tương đương với loại đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng;

Trường hợp việc khôi phục theo quy định này ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của thửa đất liền kề do bề mặt thửa đất trước khi vi phạm cao hơn hiện trạng các thửa đất liền kề thì thực hiện khôi phục lại độ cao bề mặt đất bằng với thửa đất liền kề có bề mặt cao nhất.

Trường hợp việc khôi phục theo quy định này ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của thửa đất liền kề do bề mặt đất trước khi vi phạm thấp hơn hiện trạng các thửa đất liền kề, hiện trạng bề mặt đất đang vi phạm cao hơn hiện trạng thửa đất liền kề thì thực hiện khôi phục lại độ cao bề mặt đất bằng với thửa đất liền kề có bề mặt thấp nhất.

**Điều 5. Trách nhiệm kiểm tra kết quả khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất**

1. Cơ quan hoặc người được giao tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện kiểm tra, xác nhận mức độ khôi phục, biện pháp khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm quy định tại Điều 4 Quyết định này.

2. Kết quả kiểm tra, xác nhận mức độ khôi phục, biện pháp khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm phải được lập thành biên bản và được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc vi phạm để phục vụ cho việc theo dõi, đôn đốc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2025.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 04/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

b) Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định các trường hợp không có tính khả thi trên thực địa và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường hợp đã lập biên bản và đã có quyết định xử phạt nhưng chưa thực hiện xong quyết định xử phạt thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ban hành.

2. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính đã lập biên bản vi phạm hành chính mà chưa ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì xử lý như sau:

Trường hợp hết thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì không ban hành quyết định xử phạt nhưng phải ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thực hiện theo Quyết định tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp Quyết định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng theo Quyết định này.

Trường hợp còn thời hạn ban hành quyết định xử phạt thì biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng theo Quyết định tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành

chính. Trường hợp Quy định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng theo Quy định này.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này.

2. Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai; người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo quy định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trương;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng uỷ UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Thuế tỉnh Phú Thọ;
- Ngân hàng nhà nước khu vực IV;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP UBND tỉnh, CV NCTH, Trung tâm Thông tin và Công báo;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NN3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**